

Số: 42 /2013/QĐ-UBND

Long An, ngày 19 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác
kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2013/NQ-HĐND ngày 05/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Giám đốc Liên Sở Tài chính – Sở Tư pháp tại tờ trình số 2317/TTrLS-STC-STP ngày 06/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

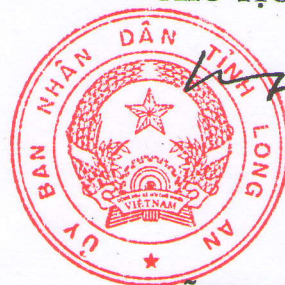
Giao Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
 - Cục KSTTHC-Bộ Tư pháp;
 - TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT.UBND tỉnh;
 - Phòng NCKT;
 - Lưu: VT, STC-STP.H.
- CĐTC-KSTTHC (NQ 102-HĐND)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

**Về chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác kiểm soát
thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42 /2013/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Long An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Phạm vi

a) Chế độ này áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Chế độ này không áp dụng đối với:

- Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;

- Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung chi

1. Chi cho việc cập nhật dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; công bố, công khai thủ tục hành chính.

2. Chi lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; chi lấy ý kiến tham gia của các chuyên gia đối

với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp (chỉ thanh toán đối với các trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính phải lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, của chuyên gia).

3. Chỉ cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về thủ tục hành chính: lập biểu mẫu rà soát, điền biểu mẫu rà soát; chi xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực; xây dựng báo cáo kết quả rà soát, đánh giá về thủ tục hành chính theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực.

4. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

5. Chi tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai công tác chuyên môn, sơ kết, tổng kết, giao ban định kỳ; chi hoạt động kiểm tra, đôn đốc các cơ quan đơn vị.

6. Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành.

7. Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

8. Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, gồm:

a) Tuyên truyền về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính như: xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, quảng cáo, chuyên mục về cải cách thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

c) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ như thiết kế đồ họa, mua sắm trang thiết bị, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin;

d) Tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

đ) Điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; các đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

e) Tổ chức các đoàn nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong và ngoài tỉnh;

g) Làm thêm giờ;

h) Dịch thuật;

i) Chi khác (nếu có).

Điều 4. Mức chi (mức chi cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Quy định về thanh, quyết toán

Số lượng các biểu mẫu rà soát, thống kê (biểu mẫu 1); biểu mẫu rà soát độc lập theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; biểu mẫu đánh giá tác động đối với từng thủ tục hành chính (đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và cách thức tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính) do các sở, ngành và địa phương thực hiện trên cơ sở số lượng biểu mẫu hoàn chỉnh của các sở ngành, địa phương báo cáo chính thức và có xác nhận của Sở Tư pháp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh gửi về Sở Tài chính, Sở Tư pháp để tổng hợp xem xét giải quyết hoặc tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét giải quyết theo thẩm quyền./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm

PHỤ LỤC

**Chế độ chi tiêu tài chính đối với công tác
kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Long An**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42 /2013/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Long An)

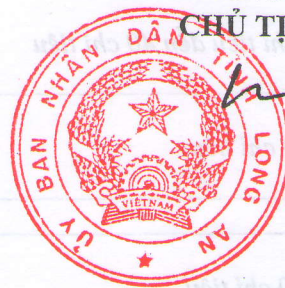
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Chi cập nhật thủ tục hành chính (TTHC) vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC		
1	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Đồng/trang	25,000
2	Chi công bố, công khai thủ tục hành chính	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp	
II	Chi cho ý kiến đối với TTHC quy định trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/văn bản	200,000
III	Chi cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về TTHC: Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; điền biểu mẫu: rà soát, biểu mẫu thống kê (biểu mẫu 1), biểu mẫu rà soát độc lập theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, biểu mẫu đánh giá tác động các quy định về TTHC (sự cần thiết, tính hợp lý và tính hợp pháp, tính toán chi phí tuân thủ TTHC); Kiểm tra chất lượng rà soát		
1	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, điền các biểu mẫu:		
a.	Cá nhân		
	+ Dưới 30 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	20,000
	+ Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	30,000
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	40,000
b.	Tổ chức		
	+ Dưới 30 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	60,000
	+ Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	75,000
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	80,000
2	Tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính	Đồng/thủ tục	150,000
3	Chi kiểm tra chất lượng rà soát	Đồng/thủ tục	75,000
IV	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về TTHC, các phương án đơn giản hóa TTHC		
1	Người chủ trì cuộc họp	đồng/người/ buổi	150,000
2	Các thành viên tham dự họp	đồng/người/ buổi	100,000
V	Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực		
1	Thuê chuyên gia tư vấn theo tháng	đồng/người/ tháng	4,800,000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
2	Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản	đồng/văn bản	450,000
VI	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực	đồng/báo cáo	1,000,000
VII	Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát TTHC	Thực hiện theo quy định hiện hành.	
VIII	Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, chuyên mục về cải cách TTHC trên các phương tiện thông tin đại chúng; Xây dựng sổ tay nghiệp vụ; Mua sắm hàng hóa, dịch vụ; Tổ chức các cuộc thi		
1	Chi xây dựng tin, bài, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, chuyên mục về cải cách TTHC trên các phương tiện thông tin đại chúng	Thực hiện theo quy định hiện hành.	
2	Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC	Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi trả nhuận bút.	
3	Chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ	Thực hiện theo thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính	
4	Chi tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác cải cách TTHC	Thực hiện theo thông tư Liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010.	
IX	Chi dịch thuật	Thực hiện theo thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính	
X	Chi làm thêm giờ	Thực hiện theo thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005.	
XI	Chi tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai công tác chuyên môn, sơ kết, tổng kết, giao ban định kỳ; Chi các đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC trong và ngoài tỉnh.	Thực hiện theo Quyết định số 60/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân tỉnh	
XII	Chi điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát TTHC		
1	Chi xây dựng phương án điều tra trình cơ quan có thẩm quyền về việc sửa đổi, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa TTHC		
	Xây dựng đề cương tổng quát được duyệt		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/đề cương	1,000,000
	- Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/đề cương	1,300,000
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/đề cương	1,500,000
	Xây dựng đề cương chi tiết được duyệt		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/đề cương	2,000,000
	- Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/đề cương	3,000,000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/đề cương	4,500,000
2	Lập mẫu phiếu điều tra, khảo sát, rà soát		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	750,000
	- Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	1,000,000
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	1,500,000
3	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra:		
	Cá nhân:		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	30,000
	- Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	40,000
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	50,000
	Tổ chức:		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	70,000
	- Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	85,000
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu, mẫu được duyệt	100,000
4	Điều tra thử để hoàn thiện phương án điều tra	Theo các nội dung, mức chi tương ứng mục 1, 2 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính.	
5	Chi viết nhận xét, đánh giá phản biện về các phương án sửa đổi, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính (<i>hợp hội đồng thẩm định, nghiệm thu</i>)		
a	Nhận xét đánh giá phản biện	đồng/bài viết	500,000
b	Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng	đồng/bài viết	300,000
6	Chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của chuyên gia (tối đa không quá 5 chuyên gia), nhà quản lý (trường hợp không thành lập hội đồng)	đồng/bài viết	500,000
7	Chi thuê chuyên gia phân tích, đánh giá kết quả điều tra (tối đa không quá 5 chuyên gia cho 1 cuộc điều tra)	đồng/báo cáo	1,000,000
8	Chi viết báo cáo kết quả điều tra		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
a	Báo cáo phân tích theo chuyên đề	đồng/báo cáo	6,000,000
b	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	đồng/báo cáo	10,000,000
XIII	Chi các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát TTTC	Thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính tại Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007; Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 12/11/2007	
XIV	Chi hoạt động thường xuyên Các hoạt động khác của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện công tác kiểm soát: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan quản lý nhà nước.		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm